

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2021/DS-PT
Ngày 31-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Tâm

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2020/DS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2021/QĐPT-DS, ngày 20/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 92 N, phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 19 V, phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Vũ T1, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV N– Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ T2 (gọi tắt là Công ty T2); địa chỉ: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Ngọc G, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2020).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Hùng V, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp Tân Mai 2, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Lê Đình T3, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 190 L, thị trấn L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai.

4.2. Bà Lê Thị A, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 2, thôn M, xã N, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị H.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKN/VKS-DS ngày 06/01/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Thanh T thống nhất trình bày:

Ngày 25/12/2017, bà Lê Thị H và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) ký Hợp đồng thi công số 01/HDLD/HH1/LETHIH-TTF. Theo nội dung hợp đồng, hai bên thỏa thuận bà H nhận công việc lắp đặt cửa gỗ và nội thất gỗ liền tường khu căn hộ -Tòa nhà HH1; địa điểm thực hiện công việc: Số 29, đường L, quận B1, Thành phố Hà Nội. Bà H thực hiện công việc đúng yêu cầu kỹ thuật, bản vẽ và thiết kế do Công ty T2 cung cấp; đơn giá từng hạng mục được thể hiện rõ tại mục 1.4 Điều 1 của hợp đồng, đơn giá là không đổi; thời hạn thực hiện từ ngày 25/12/2017 dự kiến đến ngày 30/8/2018. Tuy nhiên, đến ngày 18/10/2018 bà H mới thực hiện xong công việc theo hợp đồng trên do Công ty T2 giao vật tư chậm trễ nên bà H thi công chậm hơn so với dự kiến.

Sau khi hoàn thành công việc, ngày 18/10/2018, hai bên làm biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục thi công lắp đặt công trình gồm có bên thi công là bà Lê Thị H, bên Công ty T2 có ông Lê Đình T3 là Chỉ huy trưởng công trình. Tổng số tiền Công ty T2 phải thanh toán cho bà H là 1.895.528.490 đồng. Trong quá trình thi công, Công ty T2 đã trả cho bà H số tiền 1.266.451.091 đồng theo hình thức chuyển khoản. Hiện nay, Công ty T2 còn nợ số tiền 629.077.399 đồng. Bà H đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu Công ty T2 thanh toán nhưng Công ty T2 không thanh toán nên bà H khởi kiện yêu cầu Công ty T2 phải trả cho bà H số tiền 629.077.399 đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án: Bản sao hợp đồng số 01/HDLD/HH1/LETHIH-TTF ngày 25/12/2017; Giấy ủy quyền ngày 15/12/2017 của Công ty T2 (ông Nguyễn Trọng Hiếu ủy quyền cho ông Lê

Đình T3); Quyết định thành lập ban chỉ huy công trình số 15/12/17/QDTL/VMT-2017 ngày 15/12/2017 của Công ty T2; Sơ đồ tổ chức nhà thầu của Công ty T2; 04 Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục thi công lắp đặt công trình ngày 18/10/2018; Xác nhận khối lượng lắp đặt cửa gỗ và NTLT tòa HH1 CT METROPOLIS (không ngày tháng năm, có chữ ký của bà Lê Thị H, ông Lê Đình T3); bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng có đóng dấu giáp lai của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bà Chiểu in vào lúc 08 giờ 46 phút ngày 01/11/2019; 12 bộ hồ sơ thanh toán của bà Lê Thị H (in từ máy tính, không có chữ ký xác nhận); nội dung trao đổi email giữa bà H và đại diện Công ty T2.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện do có sự tính toán sai khối lượng công trình trong bản tổng hợp khối lượng công trình và số tiền đã nhận từ Công ty T2, cụ thể: Yêu cầu Công ty T2 thanh toán số tiền chưa thanh toán là: 1.880.028.695 đồng (tổng giá trị công trình) - 1.266.535.947 (tiền đã nhận) = 613.492.748 đồng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Ngọc G trình bày:

Công ty T2 và bà Lê Thị H có ký hợp đồng thi công số 01/HDLD/HH1/LETHIH-TTF ngày 25/12/2017 như trình bày của nguyên đơn. Trong quá trình thi công, bà H không thực hiện công việc đầy đủ theo hợp đồng đã ký, Công ty T2 đã liên lạc nhiều lần với bà H bằng điện thoại để yêu cầu bà H hoàn thành công trình nhưng không được nên phải đưa nhân sự của Công ty T2 phải thực hiện cho hoàn thành công việc để giao cho chủ đầu tư. Hiện nay, Công ty T2 đã thi công xong toàn bộ các hạng mục của công trình Tòa HH1 CT Metropolis (bao gồm hạng mục cửa gỗ, nội thất liền tường) và đã bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Công ty T2 thống nhất với nguyên đơn về số tiền đã giao cho bà H là 1.266.535.947 đồng. Công ty T2 chưa ký nghiệm thu công trình với bà H do bà H chưa hoàn thành công việc theo hợp đồng. Đối với việc ông Lê Đình T3 ký vào các biên bản nghiệm thu ngày 10/8/2018 là không đủ tư cách vì theo nội dung Giấy ủy quyền ngày 15/12/2017 của Công ty T2, ông T3 chỉ được ký văn bản nghiệm thu nội bộ của Công ty T2, không có thẩm quyền ký nghiệm thu công trình với bên thứ ba là bà Lê Thị H. Bảng thống kê số lượng, kết quả nghiệm thu đều do bà H và ông T3 tự ký với nhau và không thông qua Công ty T2. Công ty T2 không nhận được những bộ hồ sơ thanh toán của bà H và 04 Biên bản nghiệm thu ngày 18/10/2018. Bị đơn Công ty T2 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H vì nguyên đơn chưa thực hiện xong hợp đồng, chưa nghiệm thu công trình, bỏ ngang công việc, bị đơn đưa nhân sự khác vào thi công trình để bàn giao nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng số tiền Công ty T2 chuyển khoản cho bà H 1.266.535.947 đồng là tiền tạm ứng để bà H thi công công trình. Tuy nhiên, do bà H không hoàn thành công việc theo hợp

đồng nên hai bên chưa lập biên bản nghiệm thu và quyết toán số tiền đã giao cho bà H. Hiện tại, Công ty T2 do thay đổi nhân sự nhiều lần nên hồ sơ kế toán chứng từ thanh toán thất lạc Công ty chưa xác định được là việc tạm ứng có vượt quá khối lượng công việc bà H thực hiện hay không. Khi nào có đủ chứng cứ, Công ty T2 sẽ khởi kiện bà H để giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hùng V trình bày:

Ông Phạm Hùng V được Công ty T2 bổ nhiệm làm Giám đốc dự án của Công trình Vinhomes Metropolis –Tòa HH1 theo Quyết định thành lập ban chỉ huy công trình số 15/12/QĐTL/VMT-2017 ngày 15/12/2017 của Công ty T2 nhưng chỉ là trên giấy tờ; thực tế ông V không trực tiếp điều hành công việc của Công trình Vinhomes Metropolis –Tòa HH1; mọi việc được thực hiện bởi Ban chỉ huy công trình mà trực tiếp là ông Lê Đình T3. Ông T3 được Công ty T2 ủy quyền để thực hiện những nội dung liên quan đến công trình, còn người có thẩm quyền ký văn bản hoặc giao dịch giữa Công ty T2 với bên thứ ba là ông Nguyễn Trọng Hiếu.

Ông V chỉ công tác với vai trò Giám đốc dự án công trình này một thời gian ngắn thì được chuyển công tác sang bộ phận khác nên không nắm rõ tiến trình thực hiện công việc của bà H và những đội khoán khác ở công trình. Ông V xác định thực tế bà H có làm việc thi công cửa gỗ và nội thất liên tường tại công trình nhưng ông V không biết công trình bàn giao thời gian nào và không biết bà H có hoàn thành công trình theo hợp đồng với Công ty T2 hay không. Ông V không nắm rõ nội dung hợp đồng thi công giữa bà H và Công ty T2 vì hợp đồng là do bà H ký với đại diện hợp pháp của Công ty là ông Nguyễn Trọng Hiếu. Ông V không ký bất kỳ văn bản nào với bà H về việc nghiệm thu khối lượng công việc của bà H thực hiện, không ký hồ sơ đề nghị thanh toán của bà H. Ông V không nắm rõ việc thực hiện công việc của bà H cũng không rõ công ty thanh toán cho bà H theo từng hạng mục hoàn thành hay tạm ứng theo yêu cầu của bà H để thực hiện hợp đồng. Ông V xác định không biết rõ về nội dung tranh chấp giữa bà H với Công ty T2 và yêu cầu khởi kiện của bà H buộc Công ty T2 thanh toán số tiền còn nợ là 629.077.399 đồng là đúng hay không.

[4] Người làm chứng ông Lê Đình T3 trình bày:

Thời điểm khoảng năm 2017, 2018, ông T3 là nhân viên của Công ty T2, được Công ty T2 ủy quyền giám sát công trình Tòa HH1 CT Metropolis của Chủ đầu tư Vinhomes theo Quyết định thành lập ban chỉ huy công trình số 15/12/QĐTL/VMT-2017 ngày 15/12/2017 và Giấy ủy quyền ngày 15/12/2017 của Công ty T2. Ông T3 được ủy quyền phụ trách thay mặt Công ty T2 chịu trách nhiệm về việc thi công công trình, là chỉ huy trưởng công trình, trực tiếp làm việc với Vinhomes về công trình Tòa nhà HH1 Metropolis. Đối với bà Lê Thị H, ông T3 không được ủy quyền ký văn bản, giao dịch gì khác mà chỉ xác nhận khối lượng hoàn thành công việc theo từng hạng mục để đề nghị công ty thanh toán cho bà H. Quá trình thi công công trình, ông T3 đã ký xác nhận cho bà H khoảng 13 lần theo khối lượng hạng mục đã hoàn thành để đề nghị Công ty thanh toán. Ngoài ra, ông T3 còn ký 04 biên bản nghiệm thu cùng ngày

18/10/2018 và ký văn bản “xác nhận khối lượng lắp đặt cửa gỗ và NTLT Tòa HH1 CT Metropolis” (không ngày tháng năm) là văn bản cuối cùng xác nhận hoàn thành toàn bộ hạng mục công trình để bàn giao cho Vinhomes.

Ngày 18/10/2018, ông T3 ký 04 biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục thi công lắp đặt công trình nhằm xác nhận hoàn thành tất cả hạng mục công trình để bàn giao. Trong đó, hạng mục nội thất liền tường thì số lượng không thay đổi nên lập chung 01 biên bản cho mức độ hoàn thành 60%, 30%, 10%; còn hạng mục cửa gỗ có thay đổi số lượng trong quá trình thi công (thay cửa chống cháy D1 từ cửa 30’ sang cửa 70’) nên biên bản áp dụng hoàn thành 60% có số lượng khác với biên bản hoàn thành 30% và 10%. Còn đối với số lượng cửa gỗ trong 03 biên bản nghiệm thu số 01-01, 01-02, 01-03 ngày 18/10/2018 và “xác nhận khối lượng lắp đặt cửa gỗ và NTLT Tòa HH1 CT Metropolis” khác nhau thì ông T3 không xác định được vì sao. Việc Công ty T2 thanh toán tiền cho bà H không liên quan gì đến ông T3. Ông T3 chỉ ký xác nhận những hạng mục công trình bà H làm từng giai đoạn và tác động đề nghị công ty thanh toán tiền cho bà H; không biết việc Công ty T2 thanh toán như thế nào cho bà H, không biết Công ty T2 còn nợ tiền bà H hay không. Ông T3 đã nghỉ việc tại Công ty T2 khoảng cuối tháng 10/2018 đầu tháng 11/2018 mà không có văn bản hủy ủy quyền và quyết định thôi việc.

[5] Người làm chứng bà Lê Thị A trình bày:

Trước tháng 11/2018, bà A là thư ký công trình cho Công ty T2 tại dự án HH1- Dự án Vinhomes Metropolis. Bà A được Công ty T2 phân công nhận hồ sơ đề nghị thanh toán của các nhà thầu phụ, đội nhóm thi công công trình để gửi về công ty thanh toán. Bà A xác định đã nhận 12 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán của bà H để gửi cho Công ty T2 gồm: Đơn đề nghị thanh toán, bảng thống kê số lượng lắp đặt (chi tiết từng hạng mục), Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình. Bà A được biết Công ty T2 đã thanh toán cho bà H 08 bộ hồ sơ, còn lại 04 bộ chưa thanh toán.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2020/DS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 228, 229, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 351, 352, 357 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ T2 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”, yêu cầu thanh toán số tiền 613.492.748 đồng (Sáu trăm mười ba triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị H phải nộp 28.539.710 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm mười đồng), được khấu trừ vào số tiền 14.581.546 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038027 ngày 26-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Bà Lê Thị H còn phải nộp 13.958.164 đồng (Mười ba triệu chín trăm năm mươi tám nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 05/01/2021 nguyên đơn bà Lê Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty T2 thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền 613.492.748 đồng.

Ngày 06/01/2021, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKN/VKS-DS. Nội dung kháng nghị như sau: Các đương sự thống nhất về nội dung hợp đồng đã ký kết giữa bà H với Công ty T2, công trình đã hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư, đây là những tình tiết không phải chứng minh. Nguyên đơn cung cấp 12 bộ hồ sơ thanh toán không có chữ ký, xác nhận của hai bên (được in ra từ máy tính, không có bản gốc) và tại 04 Biên bản nghiệm thu cùng ngày 18/10/2018, ông Lê Đình T3 ký với hai tư cách là Giám sát và ban chỉ huy công trình là không phù hợp. Ông Phạm Hùng V là giám đốc dự án xác nhận bà H có làm việc tại công trình, bà Lê Thị A xác định đã nhận từ bà H 12 bộ hồ sơ thanh toán nhưng Công ty T2 chỉ mới thanh toán cho bà H 08 bộ, còn lại 04 bộ. Mặc dù, chứng cứ nguyên đơn cung cấp không thống nhất nhưng công trình đã hoàn thành và bàn giao cho bên thứ ba; bị đơn không có biên bản xác định bà H vi phạm hợp đồng, không có thông báo chấm dứt hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Lê Vũ T1 phát biểu quan điểm:

- Thứ nhất: Căn cứ các điều khoản đã giao kết trong Hợp đồng số 01/HDLH/HH1/LETHIH-TTF, cũng như căn cứ quy định của pháp luật có liên quan đến hợp đồng thi công thì nguyên đơn đã hoàn thành 100% khối lượng công việc theo điểm 1.1 Điều 1 hợp đồng trên, dựa trên các chứng cứ sau: 04 Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục thi công lắp đặt công trình số 01, số 01-01; số 01-02, số 01-03 cùng ngày 18/10/2018; Giấy xác nhận khối lượng lắp đặt cửa gỗ và NTLT Tòa HH1 CT Metropolis được ký giữa bà H và ông Lê Đình T3 – người đại diện của Công ty T2; hồ sơ bản vẽ hoàn công hạng mục: Cung cấp và lắp đặt NTLT Căn hộ Tòa HH1, HH2 (tủ gương, lavabo Tòa HH1, HH2) có chữ ký hợp pháp giữa 03 bên gồm: Đại diện chủ đầu tư, đại

diện Tư vấn Giám sát, đại diện Nhà Thầu; hồ sơ bản vẽ hoàn công hạng mục: Cung cấp lắp đặt cửa gỗ căn hộ Tòa HH1, HH2 có chữ ký hợp pháp giữa 03 bên gồm: Đại diện chủ đầu tư; đại diện tư vấn giám sát; đại diện nhà thầu; Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng số 01/NTDVSD/HH1,2/NTLT/TTF lập ngày 13/11/2018; thời điểm gần nhất mà Công ty T2 thanh toán cho bà H là ngày 26/10/2018 với nội dung: Thanh toán chi phí thi công công trình VMT cho Lê Thị H. Tất cả các chứng cứ nêu trên đã xác định rằng đến thời điểm ngày 26/10/2018 thì hợp đồng thi công giữa Công ty T2 và bà H vẫn diễn ra tốt đẹp, không có biên bản thanh lý hợp đồng giữa hai bên hoặc thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng thi công mà Công ty T2 gửi cho bà Lê Thị H.

- Thứ hai, về lời khai của bị đơn trong hồ sơ vụ án là không có căn cứ, có nhiều mâu thuẫn, không đủ cơ sở để chứng minh là bà H vi phạm hợp đồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không cung cấp được bất cứ giấy tờ, tài liệu nào thể hiện rằng bà H đã vi phạm hợp đồng. Theo hợp đồng mà các bên đã giao kết, trong trường hợp bà H không đảm bảo chất lượng và kỹ thuật theo yêu cầu của Công ty T2 thì bà H phải sửa chữa và chịu mọi kinh phí cho việc sửa chữa đó. Mặt khác, nếu bà H bàn giao chậm tiến độ thì sẽ chịu phạt 02% giá trị hợp đồng/ngày trễ. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án, phía bị đơn không có bất kỳ văn bản nào để nhắc nhở hay yêu cầu phạt hợp đồng đối với bà H. Điều này chứng tỏ, bà H đã hoàn thành tốt công việc theo hợp đồng cho nên không bị nhà thầu chính nhắc nhở và phạt vi phạm. Tư cách của ông Lê Đình T3 khi ký các văn bản nghiệm thu và xác nhận hoàn thành khối lượng công việc là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Trước khi triển khai dự án thì Công ty T2 đã ban hành rất nhiều quyết định phân công, quyền hạn nhiệm vụ cụ thể của từng cá nhân để làm tốt dự án Vinhomes Metropolis – Tòa HH, cụ thể: Quyết định về việc thành lập ban chỉ huy công trình số 15/12/17QDTL/VMT-2017 lập ngày 15/12/2017, trong đó: Ông Lê Đình T3 giữ chức vụ Chỉ huy trưởng công trình; Ban hành sơ đồ tổ chức nhà thầu T2 cho các đối tác và các cá nhân, tổ chức có liên quan được biết và nắm đầu mối làm việc; Văn bản ủy quyền lập ngày 15/12/2017 giữa ông Nguyễn Trọng Hiếu (hiện nay là người đại diện pháp luật công ty, giữ chức vụ Tổng Giám đốc) và ông Lê Đình T3 để ông T3 thay mặt và nhân danh công ty để ký các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng và biên bản nghiệm thu nội bộ hoàn thành công trình. Căn cứ vào văn bản ủy quyền nêu trên, ông Lê Đình T3 có đầy đủ tư cách và quyền hạn để ký tất cả các biên bản nghiệm thu và xác nhận khối lượng công việc với bà Lê Thị H, phù hợp với Điều 134, Điều 138, Điều 141 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, giao dịch giữa ông Lê Đình T3 – đại diện Công ty T2 và bà Lê Thị H để ký kết các văn bản nêu trên là hoàn toàn hợp pháp và đúng quy định pháp luật dân sự. Bị đơn cho rằng văn bản ủy quyền cho ông Lê Đình T3 đã bị hủy. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án thì bị đơn không có văn bản nào cung cấp cho Tòa án để thể hiện rằng ủy quyền nêu trên không còn hiệu lực. Mặt khác, trường hợp Công ty T2 có văn bản ủy quyền đối với ông T3 căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 569 của Bộ luật Dân sự thì Công ty T2 phải báo bằng văn bản cho người thứ ba biết về việc

bên ủy quyền chấm dứt thực hiện ủy quyền nhưng trong toàn bộ hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện rằng Công ty T2 có thông báo cho bà Lê Thị H về sự chấm dứt ủy quyền nêu trên. Công ty T2 cho rằng ông Lê Đình T3 không có thẩm quyền ký các văn bản nghiệm thu, xác nhận khối lượng công việc với nhà thầu phụ là không đúng, bởi lẽ khoản 18 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 quy định: Chỉ huy trưởng là chức danh của cá nhân được tổ chức thi công xây dựng, giao nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động thi công xây dựng đối với một dự án hoặc công trình cụ thể. Theo quy định nêu trên thì có thể khẳng định rằng chỉ huy trưởng công trình là người có đủ thẩm quyền ký kết các văn bản cần thiết kể cả các văn bản nghiệm thu, xác nhận khối lượng thực hiện công việc. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được bất kỳ bản chính cũng như bản sao giấy tờ gì để thể hiện rằng lời khai của mình là có căn cứ. Ngoài ra, lời khai của ông Lê Đình T3 và ông Phạm Hùng V cung cấp cho Tòa án sơ thẩm đã khẳng định rằng ông T3 là người có thẩm quyền ký vào các văn bản nghiệm thu và ông T3 có thẩm quyền ký xác nhận khối lượng hoàn thành công việc. Hơn nữa, trong quá trình làm việc ông T3 chưa bao giờ nhận được Văn bản hủy ủy quyền của Công ty. Bị đơn cho rằng bà H đã bỏ dở công trình giữa chừng là không có căn cứ: Thời điểm thanh toán cuối cùng của Công ty T2 cho bà Lê Thị H là vào ngày 26/10/2018, đối chiếu với biên bản nghiệm thu giữa Công ty T2 và chủ đầu tư dự án Metropolis vào ngày 17/10/2018 thì đủ chứng minh rằng vào thời điểm tháng 10/2018 đội khoán của bà H vẫn còn làm việc tại công trình cho nên vẫn nhận được thanh toán từ phía Công ty T2.

Từ các phân tích nêu trên có cơ sở xác định nguyên đơn đã hoàn thành tốt theo công việc của hợp đồng thi công. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn theo hướng sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty Cổ phần tập đoàn Kỹ nghệ gỗ T2 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền 613.492.748 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký, từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán chủ tọa, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2021 (BL 02), nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty T2 phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 629.077.399 đồng. Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất ngày 04/9/2020 (BL 83) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định rút 01 phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 613.492.748 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này là có thiếu sót. Các bên đương sự đều thống nhất có ký kết hợp đồng, nguyên đơn có thực hiện hợp đồng và bị đơn có chuyển khoản số tiền 1.266.535.947 đồng cho nguyên đơn. Theo quy định tại điều 92 của Bộ luật Tố

tụng dân sự thì đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Bà H xác định đã hoàn thành công việc thi công theo hợp đồng, được nghiệm thu do ông Lê Đình T3 – Chỉ huy trưởng, đại diện công ty bị đơn ký xác nhận. Bà H đã lập 12 hồ sơ đề nghị thanh toán. Như vậy, bà H đã thực hiện đúng thỏa thuận theo điều 3 của hợp đồng. Công ty T2 cho rằng bà H không hoàn thành công việc, vi phạm hợp đồng và có thông đồng với chỉ huy trưởng, chỉ huy phó để kê không khối lượng công việc nhưng không có chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác định công trình Tòa HH1 của Dự án Vinhomes Metropolis đã hoàn thành, bị đơn và chủ đầu tư là Tập đoàn Vingroup – Công ty CP đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu ngày 13/11/2018 và đã đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận các biên bản nghiệm thu do ông Lê Đình T3 xác lập với nguyên đơn; ông Phạm Hùng V, được phân công là Giám đốc dự án của công trình xác định không nắm rõ nội dung hợp đồng, không trực tiếp điều hành công việc của công trình Vinhomes Metropolis - Tòa HH1, bà H làm việc trực tiếp với Ban chỉ huy công trình. Theo nội dung Hợp đồng số 01/HDLD/HH1/LETHTHAO-TTF ngày 25/12/2017 (mục 4.1 Điều 4) và (mục 3.1 Điều 3) thì trách nhiệm giám sát công trình, lập biên bản nghiệm thu khi bên B lắp đặt xong; lập biên bản nghiệm thu với đại diện Công ty CP quản lý và KS BĐS Vinhomes, lập hồ sơ hoàn công thể hiện rõ chi tiết số lượng...là trách nhiệm của bên A (Công ty T2). Như vậy, việc thực hiện thủ tục hoàn công chưa hoàn thành là trách nhiệm của bị đơn. Theo giấy ủy quyền ngày 15/12/17 (BL 42) thì ông Lê Đình T3 được thay mặt Phó Tổng Giám đốc ký đại diện Phó Tổng Giám đốc trên các hồ sơ biên bản làm việc của công trình Vinhomes Metropolis tòa HH1. Do đó, việc Công ty T2 cho rằng ông T3 không có tư cách nghiệm thu khối lượng công việc cho bà H là không có cơ sở. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Từ những phân tích trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân thị xã T. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2020, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 629.077.399 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 15.584.651 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 613.492.748 đồng. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là chưa phù hợp nên cần rút kinh nghiệm. Trong trường hợp này, phải xác định nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Do vậy, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần sửa bản án sơ thẩm, đình chỉ giải

quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 15.584.651 đồng.

[2] Về nội dung: Ngày 25/12/2017, bà Lê Thị H và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) có ký hợp đồng số 01/HDLD/HH1/LETHIH-TTF về việc thi công hạng mục lắp đặt cửa gỗ và nội thất liền tường cho Tòa HH1 Metropolis của Chủ đầu tư Vinhomes (địa chỉ: 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội), giá trị tạm tính của hợp đồng là 2.325.449.940 đồng. Việc ký kết hợp đồng với các nội dung thỏa thuận như trên được các bên thừa nhận, thống nhất. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn xác định đã hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng và công trình đã được đưa vào sử dụng, chủ thầu công trình cũng đã bàn giao cho chủ đầu tư. Căn cứ vào các chứng cứ: 04 Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục thi công lắp đặt công trình số 01, số 01-01; số 01-02, số 01-03 cùng ngày 18/10/2018; giấy xác nhận khối lượng lắp đặt cửa gỗ và NTLT Tòa HH1 CT Metropolis được ký giữa bà H và ông Lê Đình T3 – người đại diện của Công ty T2; hồ sơ bản vẽ hoàn công hạng mục: Cung cấp và lắp đặt NTLT Căn hộ Tòa HH1, HH2 có chữ ký hợp pháp giữa 03 bên gồm: Đại diện chủ đầu tư, đại diện Tư vấn Giám sát, đại diện Nhà Thầu; hồ sơ bản vẽ hoàn công hạng mục: Cung cấp lắp đặt cửa gỗ căn hộ Tòa HH1, HH2 có chữ ký hợp pháp giữa 03 bên gồm: Đại diện chủ đầu tư; đại diện tư vấn giám sát; đại diện nhà thầu; Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng số 01/NTDVSD/HH1,2/NTLT/TTF lập ngày 13/11/2018 có đủ cơ sở xác định tổng khối lượng công trình bà H đã thực hiện tương ứng với số tiền 1.880.028.695 đồng. Do bị đơn chỉ thanh toán số tiền 1.266.535.947 đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty T2 thanh toán số tiền còn nợ là 613.492.748 đồng. Xét thấy, ông Lê Đình T3 là Chỉ huy trưởng công trình đã ký biên bản xác nhận và nghiệm thu tất cả các khối lượng công việc, nguyên đơn đã lập 12 hồ sơ đề nghị thanh toán nhưng bị đơn không thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng. Lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ trên; phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Lê Đình T3 và lời khai của là Lê Thị A là nhân viên Công ty T2 – Thư ký công trình, cũng là nhân viên của công ty bị đơn. Do vậy, nguyên đơn xác định đã hoàn thành khối lượng công việc theo thỏa thuận tại điểm 1.1 Điều 1 của hợp đồng và yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ 613.492.748 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đại diện bị đơn xác định công trình Tòa HH1 của Dự án Vinhomes Metropolis đã hoàn thành, bị đơn và chủ đầu tư tập đoàn Vingroup Công ty CP đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu ngày 13/11/2018 và đã đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng trong quá trình thi công, bà H không thực hiện công việc đầy đủ theo hợp đồng đã ký, Công ty T2 đã liên lạc nhiều lần với bà H bằng điện thoại để yêu cầu bà H hoàn thành công trình nhưng không được nên phải đưa nhân sự của Công ty T2 thực hiện cho hoàn thành công việc để giao cho chủ đầu tư. Xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị

đơn không cung cấp được bất cứ giấy tờ, tài liệu nào thể hiện rằng bà H đã vi phạm hợp đồng, phía bị đơn không có bất kỳ văn bản nào để nhắc nhở hay yêu cầu phạt hợp đồng đối với bà H, cũng như không có chứng cứ chứng minh về việc bị đơn đã thông báo chấm dứt hợp đồng thi công xây dựng với nguyên đơn. Hơn nữa, thời điểm thanh toán cuối cùng của Công ty T2 cho bà Lê Thị H là vào ngày 26/10/2018, đối chiếu với biên bản nghiệm thu giữa Công ty T2 với chủ đầu tư dự án Metropolis vào ngày 17/10/2018, có căn cứ chứng minh vào thời điểm tháng 10/2018, đội khoán của bà H vẫn còn làm việc tại công trình cho nên vẫn nhận được thanh toán từ phía Công ty T2. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này của bị đơn.

Ngoài ra, bị đơn còn cho rằng Công ty T2 chưa ký nghiệm thu công trình với bà H, việc ông Lê Đình T3 ký vào các biên bản nghiệm thu ngày 10/8/2018 là không đủ tư cách vì theo nội dung Giấy ủy quyền ngày 15/12/2017 của Công ty T2, ông T3 chỉ được ký văn bản nghiệm thu nội bộ của Công ty T2, không có thẩm quyền ký nghiệm thu công trình với bên thứ ba là bà Lê Thị H. Bảng thống kê số lượng, kết quả nghiệm thu đều do bà H và ông T3 tự ký với nhau và không thông qua Công ty T2. Xét thấy, theo Quyết định về việc thành lập ban chỉ huy công trình số 15/12/17QDTL/VMT-2017 lập ngày 15/12/2017 thì ông Lê Đình T3 giữ chức vụ Chỉ huy trưởng công trình; văn bản ủy quyền lập ngày 15/12/2017 giữa ông Nguyễn Trọng Hiếu (hiện nay là người đại diện pháp luật công ty, giữ chức vụ Tổng Giám đốc) và ông Lê Đình T3 để ông T3 thay mặt và nhân danh công ty để ký các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng và biên bản nghiệm thu nội bộ hoàn thành công trình. Căn cứ vào văn bản ủy quyền nêu trên, ông Lê Đình T3 có đầy đủ tư cách và quyền hạn để ký tất cả các biên bản nghiệm thu và xác nhận khối lượng công việc với bà Lê Thị H, phù hợp với quy định tại Điều 134, Điều 138, Điều 141 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, lời trình bày trên của đại diện bị đơn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo nội dung Hợp đồng số 01/HDLD/HH1/LETHTHAO-TTF ngày 25/12/2017 (mục 4.1 Điều 4) và (mục 3.1 Điều 3) thì trách nhiệm giám sát công trình, lập biên bản nghiệm thu khi bên B lắp đặt xong; lập biên bản nghiệm thu với đại diện Công ty CP quản lý và KS BĐS Vinhomes, lập hồ sơ hoàn công thể hiện rõ chi tiết số lượng... là trách nhiệm của bên A (Công ty T2). Như vậy, việc thực hiện thủ tục hoàn công chưa hoàn thành là trách nhiệm của bị đơn. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nguyên đơn không xác định được số tiền đã nhận của Công ty T2 1.266.535.947 đồng là tiền Công ty T2 thanh toán cho nguyên đơn hay tạm ứng; không xác định được phần nào là tạm ứng, phần nào là thanh toán và đã thanh toán cho những bộ hồ sơ nào, những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp không đảm bảo tính xác thực nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKN/VKS-DS ngày 06/01/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương là có căn cứ chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn bà Lê Thị H không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 351, 352, 357 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H.

2. Chấp nhận kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKN/VKS-DS ngày 06/01/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2020/DS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ T2 về việc yêu cầu thanh toán số tiền 15.584.651 đồng.

2.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ T2 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ T2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền 613.492.748 đồng (Sáu trăm mười ba triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ T2 phải chịu số tiền 28.539.710 đồng.

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị H số tiền 14.581.546 đồng tạm ứng

án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm tiền số 0038027 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0052151 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Thanh Tuyền